**KẾ HOẠCH BÀI DẠY – NGỮ VĂN 7 – CÁNH DIỀU**

**BÀI 6: TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**: HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Cho 2 ví dụ sau đây, em hãy nhận xét:  VD1: Thành ngữ “mười bảy bẻ gãy sừng trâu” khẳng định điều gì? Cách nói như trong câu tục ngữ này được gọi là gì?  VD2: “Cách mấy tháng sau, đứa con lên sài bỏ đi để chị ở lại một mình”. Từ “bỏ đi” trong câu này được hiểu là gì? Cách dùng từ “bỏ đi” ở trong câu này được gọi là cách nói gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 1 -2 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với bài học. | VD1: Thành ngữ khẳng định sức mạnh phi của thanh niên → Nói quá  VD2: Cụm từ “bỏ đi” biểu thị cái chết của nhân vật đứa con → Nói giảm, nói tránh. |

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (114’)**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm – nói tránh; vận dụng được những biện pháp này vào đọc, viết, nói và nghe.

**b. Nội dung**: HS làm các bài tập theo SGK.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, chia sẻ và PHT của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Phát phiếu học tập số 1, học sinh làm việc cặp đôi theo phiếu.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS làm bài.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc bài tập.  2. Trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Báo cáo kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **Bài 1 (trang 9):**  a.  – Nói quá: “chưa nằm đã sáng”, “chưa cười đã tối”.  - Tác dụng: nhấn mạnh đặc điểm về thời gian của ngày và đêm giữa mùa hạ và mùa đông. Tháng 5 ÂL đêm ngắn ngày dài, tháng 10 ÂL đêm dài ngày ngắn.  b.  – Nói quá: “tát biển Đông cũng cạn”.  - Tác dụng: nhấn mạnh sự hoà hợp vợ chồng có thể cùng nhau làm những điều lớn lao, vượt qua được mọi khó khăn, trở ngại.  c.  – Nói quá: “Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày”.  - Tác dụng: nhấn mạnh sự vất vả của người nông dân. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Bài tập 2 (SGK/9): GV tổ chức trò chơi ghép nối “Ai nhanh hơn”  Tìm cách nói quá tương ứng với cách nói thông thường:  \* Cách nói quá:  1. Nghìn cân treo sợi tóc  2. Trăm công nghìn việc  3. Hiền như đất  4. Trói gà không chặt  \* Cách nói thông thường:  A. Rất hiền lành  B. Yếu quá, không quen lao động chân tay  C. Rất bận  D. Ở tình thế vô cùng nguy hiểm  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS làm bài.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc bài tập.  2. Trả lời câu hỏi theo PHT.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Báo cáo kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **Bài 2 (trang 9):**  1-d  2-c  3-a  4-b |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Bài tập 3 (SGK/10):  HS làm việc theo phiếu học tập số 2, hình thức cặp đôi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS làm bài.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc bài tập.  2. Trả lời câu hỏi theo PHT.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Báo cáo kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **Bài 3 (trang 10):**  a. Từ “yên nghỉ” chỉ “cái chết”. Cách dùng từ làm giảm bớt sự đau buồn, thương tiếc.  b. Từ “mất, về” chỉ “cái chết”. Cách dùng từ làm giảm bớt sự đau buồn, thương tiếc.  c. Từ “khuất núi” chỉ “cái chết”. Cách dùng từ làm giảm bớt sự đau buồn, thương tiếc. |

**3. HĐ 3: Hoạt động luyện tập**

**a. Mục tiêu**:củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

**b. Nội dung***:* HS củng cố kiến thức về nói giảm – nói tránh, nói quá

**c. Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Bài tập 4 (SGK/tr.10)  Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) về một chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm – nói tránh.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 3- 4 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB. | Đoạn văn của HS. |

**4. HĐ 4: Hoạt động vận dụng, mở rộng**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.  
**b. Nội dung:** Chia sẻ một số tình huống trong cuộc sống hay sử dụng nói quá, nói giảm, nói tránh (có thể diễn thành hoạt cảnh ngắn)

**c. Sản phẩm:** Câu chuyện của hs

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Giao nhiệm vụ:** Chia sẻ một số tình huống trong cuộc sống hay sử dụng nói quá, nói giảm, nói tránh (có thể diễn thành hoạt cảnh ngắn) **B2: HS Thực hiện nhiệm vụ** ở nhà | – Chia sẻ của HS |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

Xác định biện pháp tu từ nói quá trong những câu dưới đây. Cách nói quá trong mỗi trường hợp đó biểu thị điều gì? Chỉ ra tác dụng của chúng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Biện pháp nói quá** | **Tác dụng** |
| a. Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng.  Ngày tháng Mười chưa cười đã tối. (Tục ngữ) |  |  |
| b. Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn. (Tục ngữ) |  |  |
| c. Cày đồng đang buổi ban trưa  Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày  Ai ơi bưng bát cơm đầy  Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần. (Ca dao) |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

Xác định biện pháp tu từ nói giảm – nói tránh trong những câu sau. Cách nói giảm – nói tránh trong mỗi trường hợp đó biểu thị điều gì? Chỉ ra tác dụng của chúng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Biện pháp nói giảm – nói tránh** | **Tác dụng** |
| A. Có người thợ dựng thành đồng  Đã yên nghỉ tận sông Hồng, em ơi! (Thu Bồn) |  |  |
| B. Ông mất năm nao, ngày độc lập  Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao  Bà “về” năm đói, làng treo lưới  Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào… (Tố Hữu) |  |  |
| C. Năm ngoái, cụ Bọ Ngựa già yếu đã khuất núi. (Tô Hoài) |  |  |

\*\*\*